BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CTĐT: Kế toán doanh nghiệp (Kế toán) **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**33**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		2
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		2
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần bắt buộc			**2**						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2* (Bơi lội)	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		4
V. Đại cương chung			**19**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**17**						
14	EC4501A	Nhập môn ngành Kế toán	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	30					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					1
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
20	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		4
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
5.2. Đại cương chung tự chọn (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			**2**						
22	GE4049	Tiếng Việt thực hành	2	20	10				1
23	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30					1
24	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					1
25	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					1
26	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					1
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**102**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**12**						
27	EC4001	Kinh tế vi mô	3	45					1
28	EC4002	Kinh tế vĩ mô	3	45			EC4001		2
29	EC4003	Luật kinh tế	2	30					2
30	EC4144	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	30					3
31	EC4008	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	30					4
II. Kiến thức cơ sở ngành			**21**						
32	EC4010	Toán kinh tế	3	45					3
33	EC4005	Marketing căn bản	3	45					1
34	EC4009	Quản trị học	3	45					4
35	EC4004	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	45					4
36	EC4006	Nguyên lý kế toán	3	45					3
37	EC4112	Thuế	3	45					3
38	EC5001	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	3	30	30				4
III. Kiến thức chuyên ngành			**41**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**32**						
39	EC4303	Luật kế toán và chế độ kế toán dành cho DN	2	30					3
40	EC4304	Kế toán doanh nghiệp 1	3	45			EC4006		4
41	EC4101	Kế toán quản trị 1	3	45			EC4006		5
42	EC4154N	Phân tích báo cáo tài chính	3	35	20		EC4042A		6
43	EC4211	Kế toán chi phí	3	45			EC4006		5

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
44	EC4305	Kế toán doanh nghiệp 2	3	45			EC4304		5
45	EC4308	Kế toán thuế	3	35	20		EC4006		6
46	EC4244	Tổ chức thực hiện công tác kế toán	3	30	30		EC4305		7
47	EC4502	Kiểm toán căn bản	3	45			EC4006		7
48	EC4301N	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)	3	45					7
49	EC4306	Kế toán doanh nghiệp 3	3	45					6
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**9**						
3.2.1. Nhóm 1 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			**3**						
50	EC4240A	Tài chính doanh nghiệp	3	45					5
51	EC4128N	Lý thuyết bảo hiểm	3	45					5
52	EC4206	Giao tiếp kinh doanh	3	45					5
53	EC4230	Quản trị hành chánh văn phòng	3	45					5
3.2.2. Nhóm 2 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			**3**						
54	EC4307	Kế toán ngân hàng thương mại	3	45			EC4006		7
55	EC4225	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45					7
56	EC4224	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	3	45					7
57	EC4239	Tài chính công	3	45			EC4002		7
3.2.3. Nhóm 3 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			**3**						
58	EC4214	Kế toán quản trị 2	3	45			EC4101		6
59	EC4110	Tài chính quốc tế	3	45			EC4002		6
60	EC4135	Thị trường tài chính	3	45					6
61	EC4109	Quản trị tài chính	3	45					6
IV. Kiến thức bổ trợ			**7**						
62	EC4346N	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	2	30					5
63	EC4281	Khởi nghiệp	3	45			EC4005		6
64	EC5000	Tiếng anh cho chuyên ngành Kế toán	2	30					5
V. Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp			**15**						
65	EC4503	Thực tập nghề nghiệp	3	15	60				6
66	EC4310	Kế toán mô phỏng	**3**	15	60				7
67	EC4491O	Thực tập cơ sở	3		90				7
68	EC4407O	Thực tập tốt nghiệp	6		180				8
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
6.1. Khóa luận tốt nghiệp			**6**						
69	EC4297A	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				8
6.2. Học phần thay thế khóa luận			**6**						
70	EC4401	Kế toán Mỹ	3	45			EC4006		8
71	EC4502	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	45					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	1648	832				
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			109						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			11						